

Số: **69** /HDLN-SNN-STC

Trà Vinh, ngày **28** tháng **9** năm 2016

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện thủ tục thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ nâng cao hiệu quả
chăn nuôi nông hộ theo quy định tại Thông tư số 205/2015/TT-BTC
ngày 23/12/2015 của Bộ Tài chính**

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23/12/2015 của Bộ Tài chính Quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 2947/UBND-NN ngày 31/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện thủ tục thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo quy định tại Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23/12/2015 của Bộ Tài chính.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện thủ tục thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23/12/2015 của Bộ Tài chính như sau:

1. Quản lý kinh phí:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) có trách nhiệm rà soát, tổng hợp danh sách các hộ chăn nuôi trên địa bàn, loại giống, số lượng con giống, giá mua con giống theo hóa đơn, kinh phí hỗ trợ theo quy định gửi phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố (gọi chung là phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, rà soát gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định trình Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh (gọi chung là cấp huyện) bổ sung dự toán chi thường xuyên cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi, người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả; đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm căn cứ thanh toán, hỗ trợ theo quy định.

2. Hình thức cấp phát, thanh toán:

2.1. Kinh phí hỗ trợ phối giống nhân tạo heo, trâu, bò:

- Chi trả trực tiếp cho các cơ sở cung cấp tinh, vật tư được chỉ định (không hỗ trợ trực tiếp cho hộ chăn nuôi).

- Nơi nhận hồ sơ: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đăng ký của chủ hộ chăn nuôi có xác nhận của cấp xã, bản chính hoặc bản photo; xác nhận của chủ hộ chăn nuôi về loại tinh thực tế đã nhận hỗ trợ; bảng tổng hợp số hộ chăn nuôi, loại tinh, số lượng liều tinh, vật tư phối giống đã hỗ trợ theo từng địa bàn xã, được cấp xã xác nhận; xác định nhu cầu kinh phí (tinh, vật tư) đã hỗ trợ của cơ sở cung cấp tinh, vật tư; về quyết toán Nitơ lỏng cần kèm theo bảng xác nhận có chữ ký của người gieo tinh, chủ hộ nuôi trâu, bò và cấp xã xác nhận trâu, bò có chữa; hóa đơn tài chính liều tinh, vật tư.

- Báo cáo tình hình thực hiện chi trả: Định kỳ tháng hoặc quý, cơ sở cung cấp tinh, vật tư gửi hồ sơ về phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, rà soát gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tổng hợp gửi Sở Tài chính; Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm căn cứ thanh toán, hỗ trợ theo qui định.

2.2. Kinh phí hỗ trợ mua heo, trâu, bò đực giống; gà, vịt giống bố mẹ hậu bị:

- Chi trả trực tiếp cho hộ chăn nuôi.

- Nơi nhận hồ sơ: Cấp xã.

- Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đăng ký và cam kết thực hiện nghiêm kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, được cấp xã xác nhận; lý lịch con giống; giấy chứng nhận kiểm dịch động vật; hợp đồng mua bán con giống kèm theo hóa đơn tài chính theo quy định; biên bản nghiệm thu giao nhận con giống giữa phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hộ chăn nuôi và cấp xã.

- Báo cáo tình hình thực hiện chi trả: Định kỳ tháng hoặc quý, cấp xã có trách nhiệm rà soát, tổng hợp danh sách hộ chăn nuôi, loại giống, số lượng con giống, giá mua con giống theo hóa đơn, kinh phí hỗ trợ theo quy định gửi phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tổng hợp, tham mưu cấp huyện lập đề nghị gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm căn cứ thanh toán, hỗ trợ theo qui định.

2.3. Kinh phí hỗ trợ mua bình Nitơ:

- Chi trả trực tiếp cho người được hỗ trợ mua bình Nitơ.

- Nơi nhận hồ sơ: Cấp xã.

- Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đăng ký của cá nhân có nhu cầu làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc được cấp xã xác nhận (kèm theo bản sao Chứng chỉ đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc); cam kết bảo

quản, sử dụng bình trong thời gian không ít hơn 05 năm; hợp đồng mua bình Nitơ lỏng kèm theo hóa đơn tài chính theo quy định; biên bản kiểm tra chất lượng bình Nitơ lỏng giữa phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hộ làm dịch vụ phối giống nhân tạo và cấp xã.

- Báo cáo tình hình thực hiện chi trả: Định kỳ tháng hoặc quý, cấp xã tổng hợp danh sách, loại bình, giá mua bình theo hóa đơn, kinh phí hỗ trợ theo quy định gửi phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tổng hợp, tham mưu cấp huyện lập đề nghị gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm căn cứ thanh toán, hỗ trợ theo qui định.

2.4. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình khí sinh học và làm đệm lót sinh học:

- Chi trả trực tiếp cho hộ chăn nuôi.

- Nơi nhận hồ sơ: Cấp xã.

- Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đăng ký xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học của chủ hộ chăn nuôi đăng ký được cấp xã xác nhận; xác nhận của cấp xã về việc xây dựng mới công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học đã áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; biên bản nghiệm thu xây mới công trình khí sinh học hoặc công trình đệm lót sinh học giữa phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hộ chăn nuôi và cấp xã.

- Báo cáo tình hình thực hiện chi trả: Định kỳ tháng hoặc quý, cấp xã có trách nhiệm lập bản tổng hợp số hộ chăn nuôi, loại công trình, số lượng công trình, giá trị công trình và kinh phí hỗ trợ theo quy định gửi phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tổng hợp, tham mưu cấp huyện lập đề nghị gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm căn cứ thanh toán, hỗ trợ theo qui định.

2.5. Kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc:

- Chi trả trực tiếp cho người được đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc.

- Nơi nhận hồ sơ: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thành phần hồ sơ gồm: Đơn xin đi học được cấp xã xác nhận (kèm theo bản sao Bằng tốt nghiệp phổ thông, bản sao Chứng minh nhân dân); thời gian đào tạo, tập huấn thực tế (bản sao Giấy chiêu sinh, lịch giảng dạy); chứng chỉ đào tạo, tập huấn do đơn vị đào tạo cấp (bản sao); hóa đơn tài chính thu tiền học phí theo qui định.

- Báo cáo tình hình thực hiện chi trả: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp danh sách, nhu cầu được hỗ trợ chi phí đào tạo, tập huấn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm

định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở thanh toán, hỗ trợ chi phí đào tạo tập huấn cho đối tượng được hỗ trợ.

3. Quyết toán kết quả thực hiện hỗ trợ:

Kết thúc năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện chính sách (theo phụ lục 2, 3a, 3b, 4 và 5 đính kèm), báo cáo Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính.

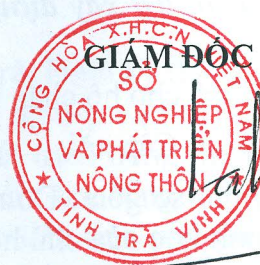
Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH



Nguyễn Vũ Phương

GIÁM ĐỐC SỞ NN VÀ PTNT



Trần Trung Kiên

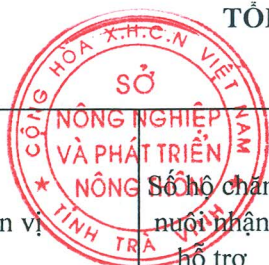
Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- CT, PCT.UBND tỉnh phụ trách;
- KBNN tỉnh, huyện, TX, TP;
- UBND các huyện, TX, TP;
- PTC-KH các huyện, TX, TP;
- PNN&PTNT các huyện;
- PKT TX, TP;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT 02 Sở.

UBND HUYỆN.....

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ PHỐI GIỐNG NHÂN TẠO ĐỐI VỚI LỢN, TRÂU, BÒ NẤM

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 69/HDLN-SNN-STC ngày 28/9/2016 của Liên Sở)



STT	Đơn vị	Số hộ chăn nuôi nhận hỗ trợ	Số con lợn, trâu, bò phối giống/năm				Số lượng liều tinh hỗ trợ /năm (1)				Vật tư phối giống (triệu đồng)	Kinh phí hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc		
			Lợn nái	Bò thịt	Bò sữa	Trâu	Lợn nái	Bò thịt	Bò sữa	Trâu		Tổng số (triệu đồng)	NSTW hỗ trợ (triệu đồng)	NSDP đảm bảo (triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ													
1	Xã A													
2	Xã B													
3	Xã C													
													

Ghi chú: (1) Số lượng hỗ trợ không quá 5 liều tinh/lợn nái/năm; 2 liều tinh/bò thịt/năm; 4 liều tinh/bò sữa/năm; 4 liều tinh/trâu/năm

....., ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

UBND HUYỆN.....

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA GIỐNG LỢN, TRÂU, BÒ ĐỰC GIỐNG NĂM
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 69.HDLN-SNN-STC ngày 28/9/2016 của Liên Sở)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Số hộ chăn nuôi được hỗ trợ	Số lượng con giống hỗ trợ				Kinh phí đã mua con giống theo hóa đơn				Kinh phí hỗ trợ theo quy định				Nguồn kinh phí thực hiện			
			Tổng số	Lợn đực giống	Bò đực giống	Trâu đực giống	Tổng số	Lợn đực giống	Bò đực giống	Trâu đực giống	Tổng số	Lợn đực giống	Bò đực giống	Trâu đực giống	Tổng số	Nguồn NSNN		Nguồn tài chính hợp pháp khác
																NSĐP đảm bảo	NSTW hỗ trợ	
A	B	C	2=3+4+5	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17
	TỔNG SỐ																	
1	Xã A																	
2	Xã B																	
3	Xã C																	

Ghi chú: (1) Bao gồm các xã, thôn, bản thuộc vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện KTXH khó khăn theo quy định của cấp có thẩm quyền

(2) Hộ được hỗ trợ trâu đực giống hoặc bò đực giống thì không được hỗ trợ hoặc gà giống hoặc vịt giống


....., ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

UBND HUYỆN.....

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA GIỐNG LỢN, TRÁU, BÒ ĐỰC GIỐNG NĂM

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 69.HDLN-SNN-STC ngày 22/9/2016 của Liên Sở)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Đơn vị	Số lượng con giống hỗ trợ (2)				Kinh phí đã mua con giống theo hóa đơn			Kinh phí hỗ trợ theo quy định			Nguồn kinh phí thực hiện			
		Số hộ chăn nuôi được hỗ trợ (1)	Tổng số	Gà giống bố mẹ hậu bị	Vịt giống bố mẹ hậu bị	Tổng số	Gà giống bố mẹ hậu bị	Vịt giống bố mẹ hậu bị	Tổng số	Gà giống bố mẹ hậu bị	Vịt giống bố mẹ hậu bị	Tổng số	Nguồn NSNN		Nguồn tài chính hợp pháp khác
													NSĐP đảm bảo	NSTW hỗ trợ	
A	B	1	2=2+3	3	4	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13+14	12	13	14
	TỔNG SỐ														
1	Xã A														
2	Xã B														
3	Xã C														

Ghi chú: (1) Mỗi hộ được hỗ trợ không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt bố mẹ hậu bị

(2) Hộ được hỗ trợ hoặc gà giống hoặc vịt giống thì không được hỗ trợ trâu hoặc bò đực giống

....., ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

ND HUYỆN.....

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ XÂY MỚI CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI NĂM

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 69/HDLN-SNN-STC ngày 28/.../2016 của Liên Sở)

STT	Đơn vị	Số hộ chăn nuôi được hỗ trợ	Số công trình đã đầu tư			Giá trị công trình hoàn thành (triệu đồng)			Kinh phí hỗ trợ theo quy định (triệu đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (triệu đồng)			
			Tổng số	C.Trình khí sinh học	C.trình làm đệm lót sinh học	Tổng số	C.Trình khí sinh học	C.trình làm đệm lót sinh học		Tổng số	Nguồn NSNN		Nguồn tài chính hợp pháp khác
											NSĐP đảm bảo	NSTW hỗ trợ	
A	B	1	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12
	TỔNG SỐ												
1	Xã A												
2	Xã B												
3	Xã C												

....., ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

UBND HUYỆN.....

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN
PHỐI GIỐNG NHÂN TẠO NĂM**

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 69.HDLN-SNN-STC ngày 28/9/2016 của Liên Sở)

STT	Đơn vị	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn		Hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng				Nguồn kinh phí thực hiện (tr đ)			
		Số đối tượng đào tạo, tập huấn	Kinh phí hỗ trợ theo quy định (triệu đồng)	Số đối tượng được hỗ trợ	Số lượng bình chứa Nitơ lỏng được hỗ trợ	Kinh phí đã mua bình chứa Nitơ lỏng (theo hóa đơn - triệu đồng)	Kinh phí hỗ trợ theo quy định (triệu đồng)	Tổng số	Nguồn NSNN		Nguồn tài chính hợp pháp khác
									NSĐP đảm bảo	NSTW hỗ trợ	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=2+6	8	9	10
	TỔNG SỐ										
1	Xã A										
2	Xã B										
3	Xã C										

....., ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu